

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

SỔ GIAO DỊCH CHUNG KHOẢN

TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 1468/9
Ngày 25 tháng 04 năm 12

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 2/2012	Lũy kế từ đầu năm	Quý 2/2011	Lũy kế từ đầu năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	42.142.217.857	181.361.389.569	204.155.871.799	356.747.809.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	177.733.941	0	533.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-01-02)	10		42.142.217.857	181.183.655.628	204.155.871.799	356.747.809.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	22.958.835.716	69.517.901.008	102.971.581.507	212.629.764.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20-10-11)	20		19.183.382.141	111.665.754.620	101.184.290.292	144.117.311.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	13.913.999.807	23.823.609.763	8.879.279.979	13.027.324.186
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.882.061.153	17.106.663.110	13.825.044.782	17.947.832.095
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.054.215.599	9.339.476.221	5.392.696.254	9.429.067.228
8. Chi phí bán hàng	24		11.894.845.487	29.611.967.868	13.296.465.229	21.374.858.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.715.708.636	10.176.666.550	8.934.937.822	12.799.718.782
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (=20+(21-22)-(24+25))	30		9.604.774.672	78.594.086.855	74.007.122.438	105.022.226.120
11. Thu nhập khác	31		406.981.062	409.439.632	699.352.168	1.196.874.678
12. Chi phí khác	32		642.376	643.492	1	872.971.902
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		406.338.686	408.796.140	899.352.167	323.902.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.011.113.358	79.002.862.995	74.906.474.605	105.346.128.896
Trong đó:						
- Cổ tức đã chịu thuế			437.987.518	865.487.518	18.126.307.220	18.953.807.220
- LN công trả			0	0	0	0

- LN kinh doanh						
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V1.30	9.573.125.840	78.137.375.477	56.780.167.385	86.392.321.676
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V1.30	2.419.128.856	19.720.297.530	18.748.297.751	26.151.336.324
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 50 - 51 - 52)	60		0	0	0	0
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.591.984.502	59.282.565.465	56.158.176.854	79.194.792.572
			316	2.470	4.680	6.500

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Trâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hào



Nguyễn Minh Tâm

Tân Bình, ngày tháng 04 năm 2012
Tổng Giám đốc